

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét nội dung tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 10/4/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Nghĩa Hưng khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016-2021 kỳ họp thứ mười lăm về thông qua quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 -2030 huyện Nghĩa Hưng;

Theo đề nghị tại các Tờ trình số: 98/TTr-UBND ngày 13/5/2021 của UBND huyện Nghĩa Hưng, 1348/TTr-STNMT ngày 20/5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Diện tích, cơ cấu các loại đất

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	MÃ	Hiện trạng đến 31/12/2020		Quy hoạch SDD đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		25.888,79	100,00	25.888,79	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	16.143,76	62,36	13.179,17	50,91
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.774,53	37,76	7.729,67	29,86

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng đến 31/12/2020		Quy hoạch SDD đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	9.727,30	37,57	7.716,97	29,81
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	605,60	2,34	616,60	2,38
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.138,08	4,40	920,66	3,56
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.134,58	4,38	1.168,04	4,51
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3.326,12	12,85	2.438,23	9,42
1.6	Đất làm muối	LMU	54,79	0,21	38,26	0,15
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	110,06	0,43	267,71	1,03
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.867,81	30,39	12.623,68	48,76
2.1	Đất quốc phòng	CQP	40,82	0,16	48,63	0,19
2.2	Đất an ninh	CAN	2,17	0,008	8,69	0,034
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	518,53	2,00	518,53	2,00
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	6,00	0,02	216,00	0,83
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	21,28	0,08	649,62	2,51
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	195,79	0,76	1.048,75	4,05
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.666,90	14,16	4.316,27	16,67
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-
2.11	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	21,58	0,08	58,22	0,22
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.131,45	4,37	1.798,63	6,95
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	121,92	0,47	1.134,70	4,38
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,91	0,07	19,39	0,07
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,05	0,01	4,79	0,02
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	82,53	0,32	83,38	0,32
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	244,49	0,94	302,91	1,17
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	53,04	0,20	44,18	0,17
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	23,27	0,09	26,60	0,10
2.22	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	0,66	0,00	321,96	1,24
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	20,45	0,08	20,52	0,08
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.628,00	6,29	1.376,56	5,32
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	59,80	0,23	622,04	2,40
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	7,17	0,03	3,31	0,01
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.877,22	7,25	85,94	0,33

2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất

Đơn vị tính: ha

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	3.477,87
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1.555,06
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	1.554,86
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	116,30
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	226,69
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	337,69
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1.222,89
1.6	Đất làm muối	LMU/PNN	16,53
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	2,71
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		358,57
	Trong đó:		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	10,27
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	244,60
2.3	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất NTTS	HNK/NTS	22,18
2.4	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RPH/NKR ^(a)	81,52
3	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	133,13

3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích

Đơn vị tính: ha

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	254,90
1.1	Đất rừng phòng hộ	RPH	201,23
1.2	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	52,80
1.3	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,87
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.536,38
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,00
2.2	Đất thương mại dịch vụ	TMD	253,86
2.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4,11
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	502,61
2.5	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,70
2.6	Đất ở tại đô thị	ODT	350,26
2.7	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,33
2.8	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	259,17
2.9	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	164,34

(Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng được xác định theo bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng tỷ lệ 1/25.000, Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nghĩa Hưng)

Điều 2. Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hưng: Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Nghĩa Hưng đã được UBND tỉnh Nam Định phê duyệt tại Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 22/2/2021.

Điều 3. Giao UBND huyện Nghĩa Hưng:

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; rà soát quy hoạch của các ngành, lĩnh vực trong huyện có sử dụng đất cho thống nhất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được UBND tỉnh xét duyệt; việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã; có giải pháp cụ thể để huy động vốn và các nguồn lực khác đáp ứng vốn đầu tư cho việc thực hiện phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện;

- Bảo đảm lợi ích giữa các khu vực có điều kiện phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ với các khu vực giữ nhiều đất trồng lúa; tăng đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các cơ sở bảo quản, chế biến, tiêu thụ hàng hóa; có chính sách, biện pháp phù hợp để giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập, để người trồng lúa yên tâm sản xuất;

- Thực hiện các biện pháp nhằm tăng số thu tiền cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện thực hiện nghiêm quy định về bố trí 10% trong tổng số thu tiền sử dụng đất trên địa bàn huyện để chi cho công tác quản lý đất đai, trong đó có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đo đạc địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều tra cơ bản về đất đai; xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện hệ thống thông tin về đất đai; nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, quản lý, tổ chức thực hiện và giám sát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Tăng cường quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhất là khu vực sẽ chuyển mục đích sử dụng; tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả. Xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng đất vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết xử lý đối với Chủ tịch UBND các xã, thị trấn không ngăn chặn, xử lý kịp thời để xảy ra vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương;

- Tăng cường công tác tổ chức tuyên truyền, công bố công khai bằng các hình thức phù hợp, thuận tiện về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để

các cấp chính quyền, các nhà đầu tư, Nhân dân biết nhằm thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn, đôn đốc UBND huyện Nghĩa Hưng thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để chấn chỉnh kịp thời các thiếu sót, khuyết điểm; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị UBND tỉnh xử lý kịp thời các vi phạm.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký:

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 5;
- Lưu: VP1, VP3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng